

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện và Kế hoạch tài chính Dự án “An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng” tỉnh Điện Biên năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 1775/QĐ-BYT ngày 02/4/2021 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện và Kế hoạch tài chính năm 2021 dự án “An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng” do ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tài trợ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 876/TTr-SYT ngày 04/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện và Kế hoạch tài chính năm 2021 của Dự án “An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng” tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

1. Thông tin cơ bản về dự án

- Tên dự án: Dự án “An ninh Y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên”.

- Tên nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

- Thời gian thực hiện kế hoạch: Năm 2021.

2. Tổng kinh phí dự án năm 2021 là: 179.750,97 USD tương đương 4.169.144 nghìn đồng (ADB: 173,083.13 USD, đối ứng địa phương: 6,667.84 USD), gồm:

2.1. Kế hoạch tài chính năm 2020 chuyển thực hiện năm 2021

- Nguồn vốn ADB tổng số tiền là 150.983,13 USD tương đương 3.501.903 nghìn đồng.

- Nguồn vốn đối ứng, số tiền là 1.112,28 USD tương đương 25.798 nghìn đồng.

2.2. Kế hoạch tài chính trong năm 2021

- Nguồn vốn ADB, số tiền là 22.100 USD tương đương 512.587 nghìn đồng.

- Nguồn vốn đối ứng, số tiền là 5.555,56 USD tương đương 128.856 nghìn đồng.

3. Kinh phí đã được cấp tại Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh số tiền 3.569 triệu đồng (Vốn vay 3.410 triệu đồng, vốn đối ứng 159 triệu đồng)

(Kế hoạch tài chính chi tiết năm 2021 kèm theo).

Điều 2. Ban quản lý Dự án “An ninh Y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng” tỉnh Điện Biên chịu trách nhiệm triển khai Dự án theo các nội dung được Phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này; Giám đốc Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện dự án đảm bảo hiệu quả, theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ về quản lý và sử dụng vốn ODA.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Dự án “An ninh Y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng” tỉnh Điện Biên và các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^(NNT).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vừ A Bằng

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN AN NINH Y TẾ KHU VỰC TIỂU VÙNG MÊ CÔNG MỞ RỘNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Nghìn đồng (Tỷ giá tạm tính: 1USD= 23.194đ)

Hợp phần	Tiểu hợp phần	Hạng mục	Số hoạt động	Tên thành phần/hạng mục Dự án	Tổng vốn chương trình, dự án			Kế hoạch năm 2020 chuyển thực hiện 2021			Kế hoạch tài chính năm 2021		
					Tổng số	ODA	Vốn đối ứng NSDP	Tổng số	ODA	Vốn đối ứng NSDP	Tổng số	ODA	Vốn đối ứng NSDP
		1	2	3	4	5	6				10	11	12
				Tổng cộng	4.169.144	4.014.490	154.654	3.527.701	3.501.903	25.798	641.443	512.587	128.856
A				Chi phí cơ bản	1.671.896	1.671.896	-	1.159.309	1.159.309	-	512.587	512.587	-
Hợp phần 1				Đẩy mạnh phối hợp phòng chống dịch, bệnh các nước khu vực tiểu vùng mê công mở rộng	772.393	772.393	-	389.692	389.692	-	382.701	382.701	
1	1			Phối hợp xuyên biên giới	255.134	255.134	-	162.358	162.358	-	92.776	92.776	
1	1	8	3	Hợp giữa các cặp tỉnh chung biên giới (1 cuộc/năm mỗi bên)	23.194	23.194	-	-			23.194	23.194	
1	1	8	4	Phối hợp chống dịch 2 lần/ năm (SR, SXH, VNNB, Tà, Sỏi...)	231.940	231.940	-	162.358	162.358		69.582	69.582	
1	1			Phối hợp liên ngành	99.767	99.767	-	41.782	41.782	-	57.985	57.985	
1	1	8	5	Hợp liên ngành triển khai các hoạt động PCD, bệnh cấp trung ương và tại các tỉnh dự án	13.612	13.612	-	2.015	2.015		11.597	11.597	
1	1	8	6	Phối hợp chống dịch, bệnh liên ngành Y tế, thú Y	86.156	86.156	-	39.768	39.768		46.388	46.388	
				Tiếp cận các nhóm dễ tổn thương	185.552	185.552	-	185.552	185.552	-	-	-	
1	3	5	21	Lập bản đồ, đánh giá, xây dựng kế hoạch và giám sát hoạt động tiếp cận các nhóm dễ tổn thương	23.194	23.194	-	23.194	23.194		-		
1	3	6	22	Chiến dịch nâng cao kiến thức và thực hành phòng chống dịch, bệnh cho nhóm dễ tổn thương	162.358	162.358		162.358	162.358		-		
1	3			Phòng chống các bệnh trọng điểm(bao gồm SXH)	231.940	231.940	-	-	-	-	231.940	231.940	
1	3	6	23	Các hoạt động phòng chống một số bệnh trọng điểm (sốt rét, SXH, HIV, lao ...) cho các nhóm dễ tổn thương	231.940	231.940	-	-			231.940	231.940	
Hợp phần 2				Đầu tư nâng cao năng lực quốc gia trong giám sát và đáp ứng dịch bệnh	263.662	263.662	-	263.662	263.662	-	-	-	-
2	2			Giám sát và thực hiện APSED	69.582	69.582	-	69.582,0	69.582,0	-	-		
2	2	5	51	Đào tạo về phân tích, đánh giá nguy cơ cho tuyến huyện và xã	34.791	34.791	-	34.791	34.791		-		
2	2	5	52	Đào tạo về phân tích, đánh giá nguy cơ cho tuyến huyện và xã	34.791	34.791		34.791	34.791		-		

2	2			Nâng cao năng lực sẵn sàng ứng phó dịch bệnh và các sự kiện YTCC khác của cộng đồng	194.080	194.080		194.080	194.080		-		
2	2	5	58	Đào tạo cán bộ tuyến huyện, xã về nâng cao năng lực sẵn sàng ứng phó với các tình huống dịch bệnh và sự kiện Y tế công cộng	194.080	194.080		194.080	194.080		-		
Hợp phần 3				Đầu tư hệ thống năng lực XN đảm bảo công tác phát hiện sớm, đáp ứng kịp thời và kiểm soát nhiễm khuẩn trong BV nhằm PC lây chéo và lây lan dịch bệnh ra cộng đồng	635.840	635.840	-	505.954	505.954	-	129.886	129.886	-
3	1			Đầu tư quản lý chất lượng dịch vụ xét nghiệm cho đơn vị Y tế dự phòng tuyến trung ương, tuyến tỉnh	185.552	185.552	-	185.552	185.552	-	-	-	-
3	1	5	78	Phổ biến SOPs cho TTB, kỹ thuật xét nghiệm, nội kiểm, ngoại kiểm.	185.552	185.552	-	185.552	185.552		-		
3	1			Đầu tư tăng cường chất lượng dịch vụ xét nghiệm	199.793	199.793	-	162.683	162.683	-	37.110	37.110	-
3	1	5	84	Tập huấn luyện tỉnh	85.934	85.934		85.934	85.934				
3	1	5	1	Tập huấn luyện huyện	113.859	113.859	-	76.749	76.749		37.110	37.110	
				Kiểm soát nhiễm khuẩn tại bệnh viện.									
3	2			Tăng cường kiểm soát lây nhiễm chéo tại bệnh viện	250.495	250.495	-	157.719	157.719	-	92.776	92.776	-
3	2	5	90	Tập huấn cho cán bộ bệnh viện tuyến huyện về phòng chống nhiễm khuẩn	185.552	185.552	-	92.776	92.776		92.776	92.776	
3	2	8	96	Giám sát công tác vệ sinh và phòng chống nhiễm khuẩn tại tuyến huyện	64.943	64.943		64.943	64.943		-		
B				Bảo trì sửa chữa nhỏ	2.342.594	2.342.594	-	2.342.594	2.342.594	-	-	-	-
2	1	1	33	Sửa chữa nhỏ cho phòng cách ly tại cửa khẩu	2.342.594	2.342.594	-	2.342.594	2.342.594		-		
3	1	1	74	Bảo trì, sửa chữa nhỏ phòng xét nghiệm									
3	2	1	95	Sửa chữa nhỏ đảm bảo vệ sinh và phòng chống nhiễm khuẩn									
3	2	1	99	Sửa chữa nhỏ cho khu cách ly bệnh viện									
C				Quản lý dự án	154.654	-	154.654	25.798	-	25.798	128.856	-	128.856
4	1	7	114	Cán bộ hỗ trợ triển khai dự án tại tuyến tỉnh	105.785	-	105.785	5.587		5.587	100.198		100.198
4	1	8	115	Chi phí hoạt động cho BQLDA tuyến tỉnh	48.869	-	48.869	20.211		20.211	28.658		28.658